TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 24 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 14-5-2024 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 9, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 9, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hồng Q và chị Nguyễn Thị X tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-12-2008, nên hôn nhân của anh Q và chị X là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Q và chị X sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về tình cảm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Anh Q và chị X đã sống ly thân từ tháng 02-2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Q và chị X đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh Q và chị X thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Q và chị X có 02 *(hai)* con chung là Trần Bình Tr, sinh ngày 13-9-2010 và Trần Bình Kh, sinh ngày 24-9-2019. Hiện nay sức khỏe của hai cháu bình thường. Ly hôn, anh Q và chị X thỏa thuận như sau: giao con

chung là Trần Bình Tr cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; và giao con chung là Trần Bình Kh cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Qu và chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q và chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh Q và chị X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q và chị X thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh Q và chị X là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Q và chị X thỏa thuận chị X có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 16-5-2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hồng Q và chị Nguyễn Thị X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung là Trần Bình Tr, sinh ngày 13-9-2010 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung là Trần Bình Kh, sinh ngày 24-9-2019 cho anh Trần Hồng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Q và chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q và chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị X thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Q và chị X thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Q và chị X thỏa thuận chị X có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị X đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000783 ngày 14-5-

2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị X đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND xã V, huyện T, TP. Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga